



Sản xuất và xuất khẩu viên nén tại Việt Nam

Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm

F O R E S T
T R E N D S

Chương trình Thương mại và Tài chính Lâm nghiệp

Tháng 7 năm 2021

Tô Xuân Phúc, Chuyên gia Phân tích Chính sách, Tổ chức Forest Trends

Bối cảnh



Việt Nam hiện đã trở thành quốc gia sản xuất viên nén lớn thứ hai trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ. Viên nén từ Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu.¹ Thống kê từ nguồn Tổng cục Hải quan cho thấy lượng xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 3,2 triệu tấn. Gần 100% lượng viên nén từ Việt Nam được xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc. Đây là nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy nhiệt điện tại các quốc gia này. Nhu cầu tiêu thụ viên nén trên thế giới tiếp tục tăng, khoảng 250% trong thập kỷ tới, đạt con số 36 triệu tấn từ con số 14 triệu tấn năm 2017, với nhu cầu mở rộng chủ yếu tại các nước Châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc.² Điều này cho thấy ngành sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng trong tương lai.

Bản tin này cung cấp một số thông tin ban đầu về tình hình sản xuất và xuất khẩu mặt hàng viên nén của Việt Nam. Các con số thống kê về lượng và giá trị xuất khẩu được nhóm nghiên cứu của Forest Trends và các hiệp hội gỗ tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam. Các con số về lượng cung và các nhà máy sản xuất được trích dẫn từ nguồn dữ liệu điều tra của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 và từ khảo sát nhanh của Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) vào tháng 3 năm 2021.

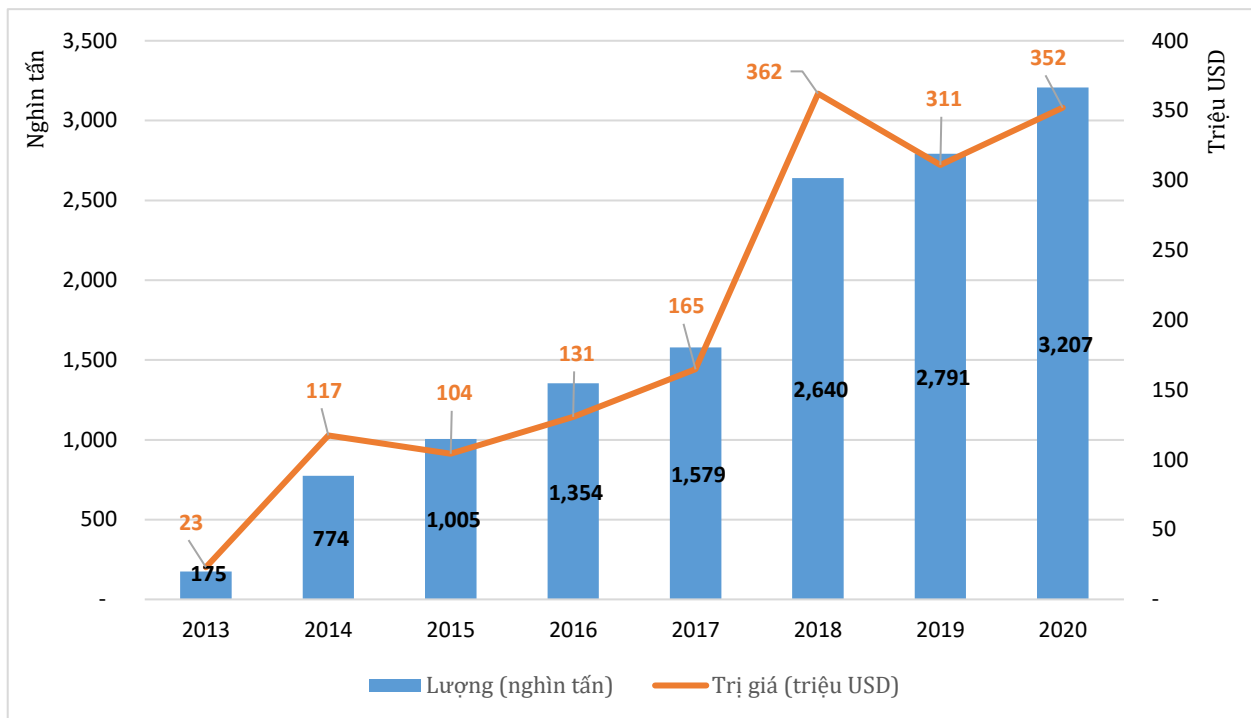
Sản xuất và xuất khẩu viên nén tại Việt Nam

Hình 1 chỉ ra lượng và giá trị viên nén xuất khẩu từ Việt Nam giai đoạn 2013-2020. Trong giai đoạn này, lượng xuất khẩu tăng trên 18,2 lần từ khoảng 175,5 tấn lên 3,2 triệu tấn; giá trị xuất khẩu tăng trên 15,3 lần, từ gần 23 triệu USD lên 351 triệu USD.

¹ Một lượng rất nhỏ được sử dụng để sấy gỗ.

² Environmental Paper Network. 2018. A briefing by the Forest, Climate and Biomass Envery Workshop Group of the EPN.

Hình 1. Lượng và giá trị viên nén xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2013-2020

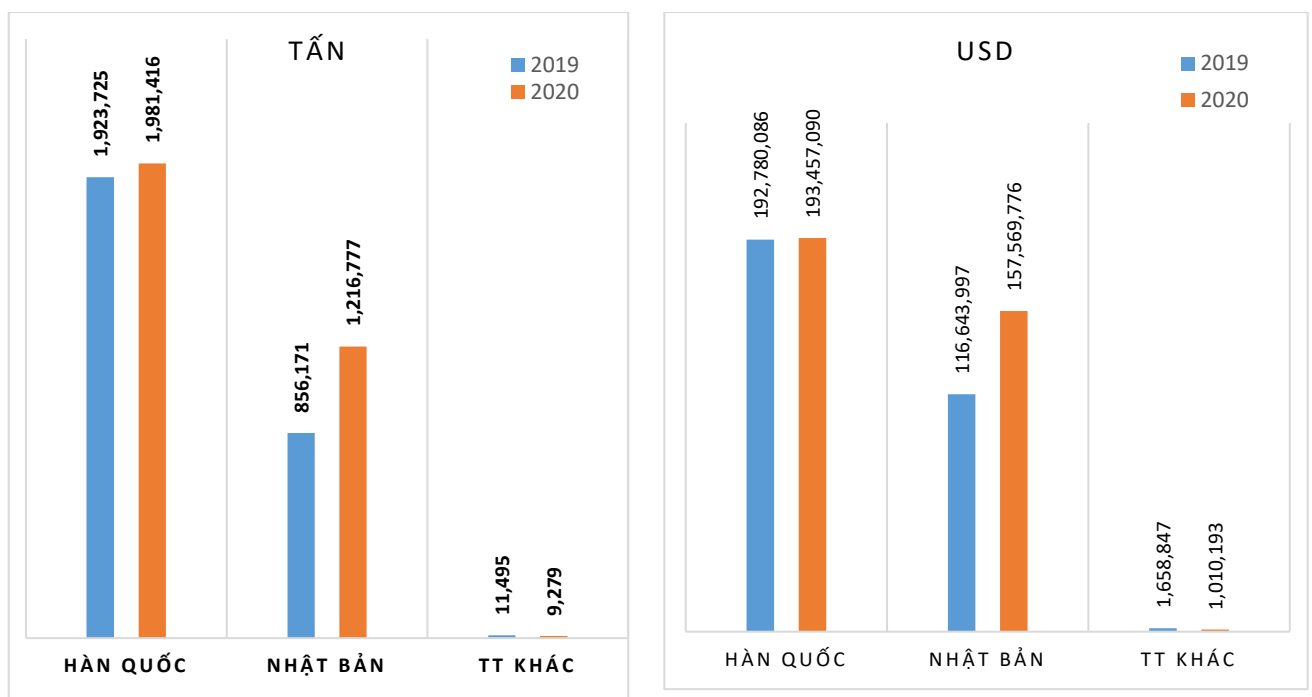


Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội Gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Hàn Quốc và Nhật Bản là hai thị trường nhập khẩu viên nén nhiều nhất của Việt Nam, với lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chiếm gần 100% tổng lượng và giá trị xuất khẩu từ Việt Nam (Hình 2).

Hình 2. Lượng và giá trị xuất khẩu viên nén của Việt Nam theo thị trường

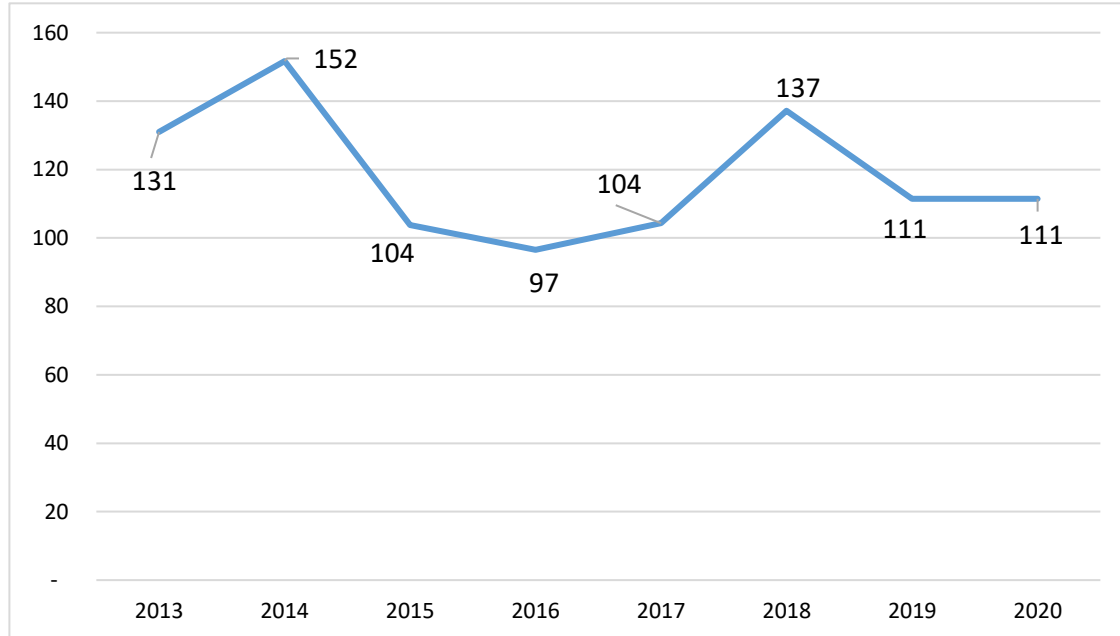


Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội Gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Giá viên nén xuất khẩu

Đối lập với xu thế tăng về lượng và kim ngạch xuất khẩu, giá xuất khẩu có xu hướng giảm (Hình 3).

Hình 3. Giá viên nén xuất khẩu từ Việt Nam (FOB, USD/tấn)

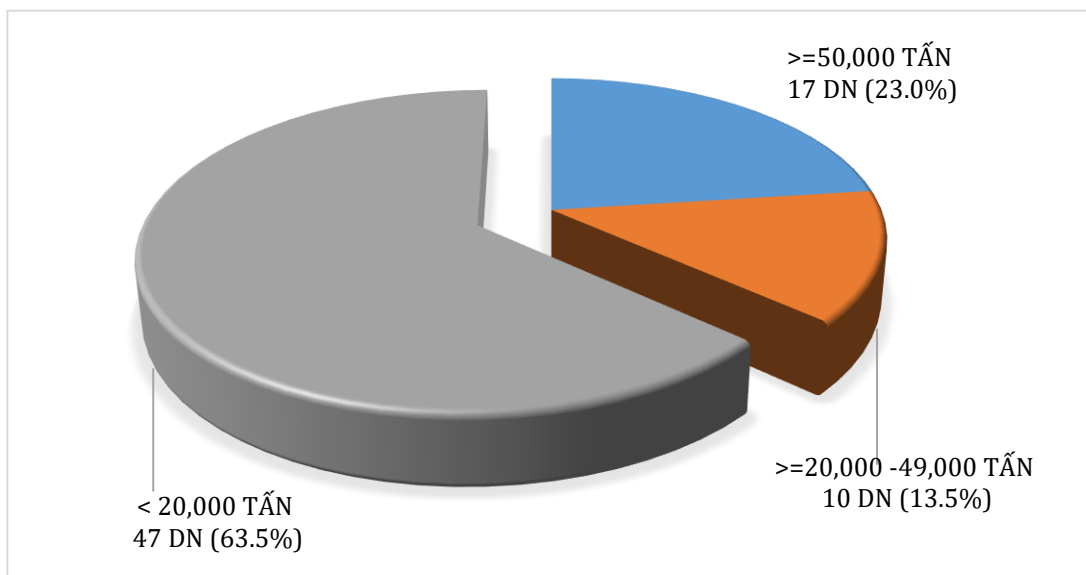


Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội Gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Doanh nghiệp xuất khẩu và sản xuất

Mức giá xuất khẩu giảm có thể một phần là do ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào khâu sản xuất. Ghi nhận của Tổng cục Hải Quan cho thấy năm 2020 có 74 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, tăng nhẹ từ 72 doanh nghiệp năm 2018. Trong năm 2020, số các doanh nghiệp xuất khẩu quy mô lớn (lượng xuất khẩu trên 50.000 tấn/doanh nghiệp) là 17 doanh nghiệp, tương đương trên 23%). Lượng doanh nghiệp có quy mô vừa (lượng xuất từ 20.000 – 49.000 tấn/doanh nghiệp) là 10 doanh nghiệp, chiếm 13,5%, còn lại là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ (dưới 20.000 tấn/doanh nghiệp). Hình 4 chỉ ra số lượng doanh nghiệp xuất khẩu chia theo quy mô năm 2020.

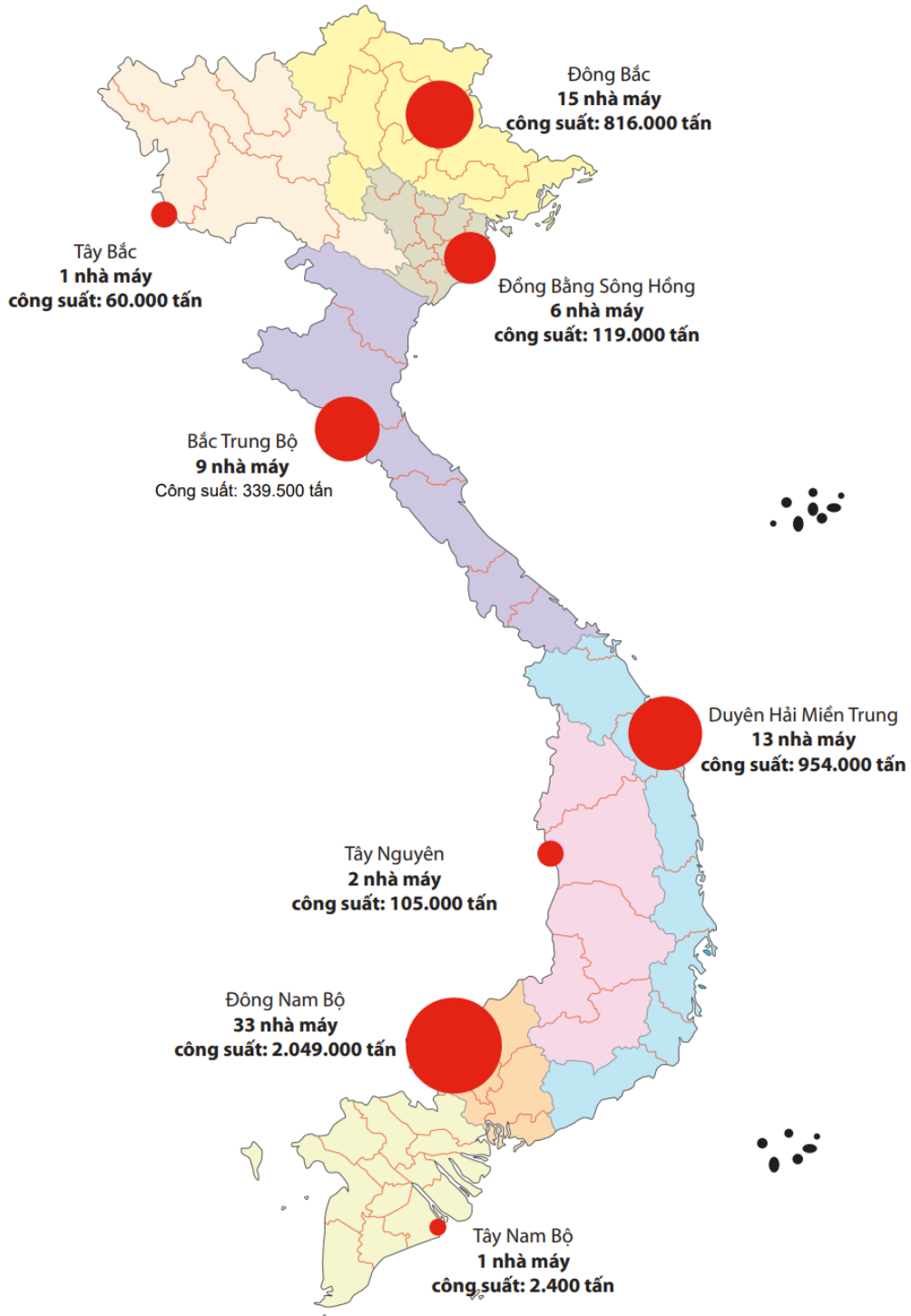
Hình 4. Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu theo quy mô năm 2020



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội Gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 và của Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFOREST) cho thấy cả nước có khoảng 80 nhà máy sản xuất viên nén, với công suất khoảng gần 4,5 triệu tấn, trong đó chủ yếu tập trung tại vùng Đông Nam Bộ, tiếp đến là vùng Đông Bắc (Hình 5).

Hình 5. Phân bố số nhà máy và công suất sản xuất viên nén theo vùng kinh tế



Nguồn: Tổng cục lâm nghiệp (2019) và VIFOREST (2021)

Tuy nhiên các con số trong Hình 5 này chưa bao gồm các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ. Thông tin chia sẻ từ một số doanh nghiệp sản xuất viên nén cho thấy các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ có thể lên tới con số 300. Tuy nhiên con số này đến nay chưa được kiểm chứng.

Nguồn nguyên liệu đầu vào



Nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào để sản xuất viên nén chủ yếu được sử dụng từ gỗ phụ phẩm như mùn cưa, dăm bào, cành ngọn của gỗ rừng trồng (keo, bạch đàn, cao su), cây phân tán... Nguồn nguyên liệu này được đưa vào quá trình ép dưới áp lực cao để tạo ra sản phẩm. Một số nguồn tin cho biết các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ ở các địa phương mua bất kỳ nguồn gỗ nguyên liệu nào từ các hộ dân để sản xuất. Các hoạt động thu mua này thường được thực hiện qua hệ thống các đại lý. Một số doanh nghiệp lớn có nguồn nguyên liệu rừng trồng, bao gồm cả nguồn rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).

Một số khía cạnh cần quan tâm

Ngành sản xuất và xuất khẩu viên nén mới được phát triển trong một thập kỷ gần đây, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho nhu cầu phát triển điện sinh học tại Nhật Bản và Hàn Quốc kể từ sau thảm động đất và sóng thần. Nhu cầu tiêu thụ viên nén tại các quốc gia này liên tục tăng, là động lực cho các hoạt động sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam mở rộng.



Sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam hiện tại đang tiềm ẩn một số vấn đề. Thứ nhất, nguồn nguyên liệu đầu vào chưa được kiểm soát, điều này dẫn đến chất lượng sản phẩm không đồng bộ, thậm chí sản phẩm có chất lượng kém; điều này đẩy giá xuất khẩu xuống thấp. Nguyên liệu đầu vào không được kiểm soát cũng tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng tới tài nguyên rừng, với nguồn nguyên liệu đầu vào có thể được thu lượm từ các cây, cành nhỏ từ rừng. Hiện cũng đang tồn tại một số thông tin cho rằng có hiện tượng pha trộn lẫn giữa nguồn nguyên liệu có chứng chỉ FSC và nguồn khác trong một số cơ sở sản xuất, mặc dù sản phẩm xuất khẩu được khai báo là các sản phẩm có chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Các thông tin này cần được kiểm chứng một cách đầy đủ trong thời gian tới.

Thứ hai, mặc dù đã trở thành một trong những sản phẩm xuất khẩu quan trọng, sản xuất và xuất khẩu viên nén chưa nhận được sự quan tâm cần thiết của cơ quan quản lý. Hiện tại khâu sản xuất và xuất khẩu phát triển theo hướng tự phát, mạnh ai người ấy làm. Thiếu quản lý và giám sát, phát triển tự pháp dẫn đến tình trạng chất lượng không đồng bộ và một số vấn đề như đề cập ở trên. Giá bán có xu hướng giảm là kết quả trực tiếp của nguyên nhân này.

Thứ ba, hiện chưa có cơ chế kết nối các doanh nghiệp, cơ sở chế biến trong ngành, chưa có tiếng nói chung trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Tình trạng cạnh tranh về nguyên liệu đầu vào, cạnh tranh giá cả, người mua... đã và đang diễn ra giữa các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các cơ sở quy mô nhỏ. Thiếu kết nối cũng dẫn đến tình trạng thiếu một cơ quan đại diện cho các cơ sở sản xuất, dẫn đến thiếu kênh kết nối với các cơ quan quản lý nhằm có những chính sách phù hợp cho phát triển của ngành.

Thứ tư, cạnh tranh nguồn nguyên liệu đầu vào không chỉ xảy ra với các doanh nghiệp cùng sản xuất viên nén mà còn xảy ra giữa các doanh nghiệp sản xuất mặt hàng này và các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm khác như dăm gỗ và ván ép. Nhiều tín hiệu cho thấy trong tương lai cạnh tranh nguồn nguyên liệu đầu vào sẽ diễn ra khốc liệt hơn.

Thứ năm, hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu viên nén, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô nhỏ, không hiểu thông tin về thị trường xuất khẩu. Cụ thể, các doanh nghiệp này hầu như không tiếp cận được với các thông tin về động lực thay đổi của thị trường xuất khẩu, các cơ chế, chính sách liên quan tới sản phẩm bao gồm cả những yêu cầu về chất lượng, tính hợp pháp và bền vững. Thiếu tiếp cận với các thông tin về thị trường xuất khẩu không chỉ làm các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất này không chủ động được phương án sản xuất kinh doanh mà còn đối mặt với các rủi ro trong việc không đáp ứng được các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

Kết luận

Các hoạt động sản xuất và xuất khẩu viên nén tại Việt Nam còn tương đối mới mẻ và sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong tương lai. Trong khi việc mở rộng mang lại nhiều lợi ích, cả về mặt kinh tế và xã hội, các hoạt động của ngành đã bộc lộ một số hạn chế, liên quan tới khâu nguyên liệu gỗ đầu vào, phát triển tự phát, cạnh tranh không lành mạnh, thiếu sự quan tâm của cơ quan quản lý và thiếu thông tin về thị trường xuất khẩu. Phát triển bền vững các hoạt động này trong tương lai đòi hỏi các hạn chế này cần được giải quyết triệt để. Điều này đòi hỏi sự kết nối và hợp tác giữa các doanh nghiệp cùng sản xuất và xuất khẩu mặt hàng này, và giữa các doanh nghiệp này với các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng khác cùng sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào. Các doanh nghiệp viên nén cũng cần thành lập cơ quan đại diện, nhằm kết nối với các cơ quan quản lý, tạo tiếng nói chung và tiếp cận với các thông tin về thị trường xuất khẩu. Đây là các hoạt động cần được ưu tiên trong thời gian tới.



With support from The David and Lucile Packard Foundation.
Thông tin liên lạc: Tô Xuân Phúc (pto@forest-trends.org)